TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Trần Văn Hợp

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2019/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Thắng E, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ngô Thúy H, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cái Nước, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Hồ Văn M, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 03/5/2018 bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E có đến nhà nhờ chị vay dùm 20.000.000 đồng để làm vốn làm ăn nên chị có đến nhà bà Ngô Thúy H để vay tiền dùm về đưa cho ông Trần Thắng E và bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Khi vay có làm biên nhận do bà D viết và ký tên. Bà D và ông Thắng E trả lãi đến 22/12/2018 thì không trả lãi nữa.

Cũng trong ngày 22/12/2018 bà D và ông Thắng E nhờ chị vay tiếp tục số tiền 30.000.000 đồng, chị đồng ý và đến gặp bà H vay tiếp 30.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng về đưa cho bà D và ông Thắng E. Sau khi vay số tiền 30.000.000 đồng trên thì bà D và ông Thắng E không đưa tiền lãi để chị trả cho bà H. Chị đã tự bỏ tiền của cá nhân chị ra để trả tiền vốn và lãi tính đến ngày 24/8/2019 là 12.000.0000 đồng cho bà H. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Trần Thắng E (là chồng của bà D) cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền còn nợ với vốn gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/8/2019 là 12.000.000 đồng (tổng cộng là 62.000.000 đồng) mà chị đã trả cho bà H.

Theo bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Trần Thắng E là vợ chồng đến nay được hơn 38 năm. Bà thống nhất bà có vay từ chị H số tiền vốn 50.000.000 đồng, chia làm hai lần vay như chị H trình bày. Hiện tại bà còn thiếu nợ chị H vốn vay là 50.000.000 đồng, lãi suất từ ngày 22/12/2018 đến ngày 24/8/2019 là 12.000.000 đồng. Hai lần vay tiền này là do anh Hồ Văn M là chồng của chị H trực tiếp đưa tiền cho bà. Bà vay tiền của chị H nhằm mục đích kinh doanh và phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Nay bà xác định việc vay nợ của chị H còn thiếu tổng số tiền 62.000.000 đồng giữa vợ chồng bà với chị H là có xảy ra. Tuy nhiên bà chỉ đồng ý trả lại cho chị H số tiền 50.000.000 đồng vốn, không đồng ý trả lãi số tiền 12.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị H vì từ khi vay cho đến nay bà đã trả lãi cho chị H rất nhiều, việc trả lãi cho chị H bà không có ghi sổ theo dõi, chị H không có viết biên nhận tiền lãi từ bà, bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc có trả lãi cho chị H. Bà thừa nhận hai biên nhận nợ do chị H cung cấp là do bà viết và ký tên. Lúc bà vay tiền từ của chị H và hiện nay thì hôn nhân giữa bà và ông Thắng E vẫn đang tồn tại và hai vợ chồng vẫn sống chung nhà.

Tại biên bản làm việc ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, bà Ngô Thúy H trình bày: Trước đây chị H có đến gặp bà để vay số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng chia làm hai lần. Một lần vào ngày 03/5/2018 vay số tiền 20.000.000 đồng, một lần vào ngày 22/12/2018 vay số tiền 30.000.000 đồng. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng đã lâu nên bà không nhớ lãi suất cụ thể bao nhiêu. Chị H đã thanh toán đủ cho bà số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và lãi, nhưng tiền lãi bao nhiêu thì do thời gian đã lâu nên bà không nhớ chính xác lãi bao nhiêu. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không có ý kiến gì và xin từ chối tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt bởi việc giao dịch vay tiền giữa chị H và bà đã thực hiện xong, bà không liên quan đến việc vay tiền giữa chị H và bà D, ông Thắng E.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/11/2019, anh Hồ Văn M trình bày: Anh là chồng của chị H. Anh xác định việc giao dịch, vay tiền giữa chị H, bà H, bà D, ông Thắng E thì anh không biết, anh không trực tiếp đưa tiền vay cho bà Thắng

E. Chị H trả nợ tiền vay cho bà H và cho bà D, ông Thắng E vay là tiền của cá nhân chị H, không phải tài sản chung của vợ chồng anh. Anh xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Thắng E biết về việc chị H yêu cầu vợ chồng ông và bà D trả số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và lãi suất là 12.000.000 đồng nhưng ông Thắng E không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt cho ông Thắng E thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông Thắng E không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị H. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị H và ông Thắng E được. Tòa án có tiến hành đến nhà ông Thắng E nhiều lần để xác minh đối với ông Thắng E nhưng ông Thắng E thường xuyên vắng mặt tại nhà. Tòa án tiến hành triệu tập ông Thắng E để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Thắng E vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án xét xử vắng mặt ông Thắng E theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H với ông Trần Thắng E, bà Nguyễn Thị D được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn khi giao kết hợp đồng vay tài sản và tại thời điểm hiện tại đều có địa chỉ tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thắng E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 20/12/2019 và 07 giờ 30 phút ngày 10/01/2020, mặc dù bị đơn ông Trần Thắng E đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do. Đối với bà Ngô Thúy H và anh Hồ Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về thời hiệu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của chị Nguyễn Thị H thì thời điểm phát sinh tranh chấp được xác định vào ngày 22 tháng 12 năm 2018. Như vậy ngày 11 tháng 9 năm 2019 chị H khởi kiện đối với bà D, ông Thắng E là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu bà D, ông Thắng E trả số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng tính từ

ngày 22/12/2018 đến ngày 24/8/2019, không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Phía bà D có ý kiến đồng ý trả số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ thể hiện chị H cung cấp 02 biên nhận thể hiện ngày 03 tháng 5 năm 2018 bà D có nhờ chị H hỏi dùm số tiền là 20.000.000 đồng và ngày 22 tháng 12 năm 2018 bà D có nhờ chị H hỏi dùm số tiền là 30.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Các bên đương sự thừa nhận đây là giao dịch vay tài sản cụ thể là vay tiền nhưng thống nhất ghi trong biên nhận nợ là hỏi dùm do thỏa thuận khi giao dịch. Phía bà D cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hai tờ biên nhận với nội dung có vay của chị H số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng và hiện nay số tiền còn thiếu chị H là 50.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi cho chị H. Xét thấy việc bà D có vay tiền của chị H tổng số tiền 50.000.000 đồng là thực tế có xảy ra và cho đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H đối với bà D là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bà D cho rằng khi vay tiền của chị H thì chị H không trực tiếp đưa tiền cho bà D mà thông qua anh Hồ Văn M. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/11/2019 anh Hồ Văn M không thừa nhận việc đưa tiền vay của chị H cho bà D và xác định việc giao dịch vay tiền của các đương sự là do tiền cá nhân của chị H, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh, không liên quan đến anh. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà D cho rằng anh M là người trực tiếp đưa tiền vay cho bà D nhưng không đưa ra được bất cứ căn cứ gì chứng minh, đồng thời các đương sự đều thừa nhận cho dù người đưa tiền là ai thì việc vay tiền là giao dịch giữa chị H và bà D, số tiền vay là tài sản riêng của chị H. Do đó đối với vấn đề ai là người trực tiếp đưa tiền cho bà D không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Đối với việc chị H yêu cầu Tòa án buộc ông Thắng E có trách nhiệm liên đới với bà D trả nợ cho chị. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà D trực tiếp vay tiền của chị H và làm biên nhận nợ nhưng việc vay tiền của chị H sử dụng kinh doanh chả cá nhằm mục đích phát triển kinh tế chung tạo thu nhập cho gia đình, và khi vay tiền của chị H thì bà D và ông Thắng E là vợ chồng, khi bà D vay tiền thì ông Thắng E có biết nhưng không có ý kiến, lúc chị H yêu cầu hai vợ chồng bà D, ông Thắng E trả nợ thì ông Thắng E cũng biết việc vay mượn này nhưng cũng không phản đối. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H đối với bà D, ông Thắn Em nhưng ông Thắng E không có ý kiến, cũng tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc bà D và ông Thắng E có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho chị H là phù hợp.

Về lãi suất: Phía bà D cho rằng trước đây có vay tiền của chị H nhiều lần và có đóng lãi cho chị H nhưng không nhớ thời gian đóng lãi và số tiền cụ thể, bà D

không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh có đóng lãi cho chị H. Chị H xác định bà D, ông Thắng E kể từ thời điểm ngày 22 tháng 12 năm 2018 khi hay bên kết toán nợ thì xác định số tiền vay tổng cộng là 50.000.000 đồng thì không có đóng lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định bà D, ông Thắng E có đóng lãi cho chị H. Nay chị H yêu cầu tính lãi thời điểm từ ngày 22 tháng 12 năm 2018 đến ngày 24 tháng 8 năm 2019 với lãi suất 3%/tháng là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Như vậy trong trường hợp này lãi suất thỏa thuận vay giữa chị H và bà D 3%/tháng tương đương 36%/năm là cao so với quy định của Bộ luật dân sự. Do đó cần phải điều chỉnh lãi theo quy định của Bộ luật dân sự lãi suất là 20%/năm tương đương 1,67%/tháng. Theo đó đối với số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 22/12/2018 đến ngày 24/8/2019 là 08 tháng 02 ngày, số tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 08 tháng 02 ngày = 6.735.000 đồng. Do tại đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải chị H chỉ yêu cầu lãi tính từ ngày 22/12/2018 đến ngày 24/8/2019, không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là sự tự nguyên của đương sự, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà D và ông Thắng E trả số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và lãi là 6.735.000 đồng.

Đối với việc chị H yêu cầu bà D, ông Thắng E phải trả lãi đúng số tiền 12.000.000 đồng do đây là tiền lãi mà chị đã trả cho bà H do chị đứng ra vay dùm cho bà D, ông Thắng E. Tại biên bản làm việc ngày 08/11/2019 bà H trình bày bà có cho chị H vay hai lần số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng nhưng chị H không nói là vay dùm ai. Giữa bà và chị H thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng nhưng chị H trả lãi tổng cộng bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao dịch vay tiền giữa bà H với chị H do các đương sự không có yêu cầu, không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét. Đối với giao dịch giữa chị H và bà D được xác định là giao dịch vay tiền do hai bên đều thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất giữa các đương sự này theo quy định của Bộ luật dân sự. Việc vay tiền giữa chị H đối với bà H nếu phát sinh tranh chấp thì các đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà D, ông Thắng E phải chịu là 56.735.000 đồng x 5% = 2.836.000 đồng. Chị H phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận 5.265.000 đồng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 185, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E.

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và lãi là 6.735.000 đồng, tổng cộng là 56.735.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E không thi hành khoản tiền nêu trên thì bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với số tiền lãi là 5.265.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Thắng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.836.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.550.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004764 ngày 11 – 9 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị Nguyễn Thị H được nhận lại 1.250.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thắng E, bà

Ngô Thúy H và anh Hồ Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt